

PHỤ LỤC SỐ 3
GIÁ ĐẤT NĂM 2014 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HOÀ AN
(Kèm theo Quyết định số 26/2013/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT

1. Bảng giá đất ở; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại thị trấn
 Đơn vị tính: đồng/m²

Đô thị	Loại đường phố	Vị trí			
		1	2	3	4
Thị trấn	I	1.980.000	990.000	490.000	240.000
	II	1.378.000	689.000	345.000	172.000
	III	984.000	492.000	246.000	123.000
	IV	703.000	351.000	175.000	88.000
	V	503.000	251.000	125.000	62.000

2. Bảng giá đất ở; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn
 Đơn vị tính: đồng/m²

ST T	Loại xã	Khu vực	Vị trí			
			1	2	3	4
1	Loại 1	Khu vực 1	404.000	192.000	96.000	55.000
		Khu vực 2	225.000	112.000	56.000	45.000
		Khu vực 3	126.000	63.000	47.000	37.000
2	Loại 2	Khu vực 1	210.000	105.000	52.000	42.000
		Khu vực 2	118.000	59.000	44.000	35.000
		Khu vực 3	68.000	40.000	30.000	25.000
3	Loại 3	Khu vực 1	68.000	40.000	30.000	25.000
		Khu vực 2	45.000	30.000	25.000	20.000
		Khu vực 3	30.000	25.000	20.000	18.000

3. Bảng giá đất chuyên trồng lúa nước hai vụ

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Xã loại 1, thị trấn	Vùng 1	65.000	48.000	34.000
		Vùng 2	50.000	38.000	26.000
		Vùng 3	38.000	29.000	20.000
2	Loại 2	Vùng 1	48.000	36.000	25.000
		Vùng 2	36.000	28.000	19.000
		Vùng 3	28.000	20.000	14.000
3	Loại 3	Vùng 1	28.000	20.000	14.000
		Vùng 2	20.000	16.000	11.000
		Vùng 3	16.000	12.000	8.500

- Trường hợp thửa đất chuyên trồng rau và đất chuyên trồng hoa thì giá đất tính bằng mức giá quy định trong bảng này.

4. Bảng giá đất trồng một vụ lúa và một vụ màu/năm

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Xã loại 1, thị trấn	Vùng 1	59.000	44.000	31.000
		Vùng 2	46.000	35.000	24.000
		Vùng 3	35.000	26.000	19.000
2	Loại 2	Vùng 1	44.000	33.000	23.000
		Vùng 2	33.000	25.000	18.000
		Vùng 3	25.000	19.000	13.000
3	Loại 3	Vùng 1	25.000	19.000	13.000
		Vùng 2	19.000	14.000	10.000
		Vùng 3	14.000	11.000	7.500

- Trường hợp thửa đất ruộng bậc thang trên sườn đồi thì giá đất được tính bằng 0,9 lần.

- Trường hợp thửa đất chuyển sang trồng mía thì giá đất tính bằng mức giá quy định trong bảng giá này.

5. Bảng giá đất trồng cây hàng năm khác

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Xã loại 1, thị trấn	Vùng 1	54.000	40.000	28.000
		Vùng 2	42.000	32.000	22.000
		Vùng 3	32.000	24.000	17.000
2	Loại 2	Vùng 1	40.000	30.000	21.000
		Vùng 2	30.000	23.000	16.000
		Vùng 3	23.000	17.000	12.000
3	Loại 3	Vùng 1	23.000	17.000	12.000
		Vùng 2	17.000	13.000	9.000
		Vùng 3	13.000	10.000	7.000

- Trường hợp thửa đất trồng một vụ lúa thì giá đất tính bằng mức giá quy định trong bảng giá này.

- Trường hợp thửa đất trồng cây hàng năm khác có địa hình dốc >15⁰ thì giá đất được tính bằng 0,7 lần.

6. Bảng giá đất trồng cây lâu năm

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Xã loại 1, thị trấn	Vùng 1	52.000	38.000	27.000
		Vùng 2	40.000	30.000	21.000
		Vùng 3	30.000	22.000	16.000
2	Loại 2	Vùng 1	38.000	28.000	20.000
		Vùng 2	28.000	21.000	15.000
		Vùng 3	21.000	16.000	11.000
3	Loại 3	Vùng 1	21.000	16.000	11.000
		Vùng 2	16.000	12.000	8.000
		Vùng 3	12.000	9.000	7.000

- Trường hợp thửa đất trồng cây lâu năm trên địa hình dốc > 15° thì giá đất được tính bằng 0,7 lần.

- Đất trồng cây lâu năm trên địa hình dốc trồng xen lẫn cây lâm nghiệp (mật độ cây lâu năm tỷ lệ đạt từ 50% dưới 70% diện tích) thì giá đất tính bằng 0,5 lần.

- Đất trồng cây lâu năm trên địa hình bằng phẳng trồng xen lẫn cây lâm nghiệp (mật độ cây lâu năm tỷ lệ đạt từ 50% dưới 70% diện tích) thì giá đất được tính bằng 0,7 lần.

7. Bảng giá đất rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vị trí		
		1	2	3
1	Xã loại 1, thị trấn	7.500	4.500	2.200
2	Loại 2	5.400	3.500	1.700
3	Loại 3	4.000	2.600	1.200

8. Bảng giá đất nuôi trồng thủy sản

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Xã loại 1, thị trấn	Vùng 1	37.000	32.000	22.000
		Vùng 2	32.000	28.000	20.000
		Vùng 3	28.000	22.000	16.000
2	Loại 2	Vùng 1	32.000	28.000	20.000
		Vùng 2	28.000	22.000	16.000
		Vùng 3	22.000	16.000	11.000
3	Loại 3	Vùng 1	22.000	16.000	11.000
		Vùng 2	16.000	12.000	9.000
		Vùng 3	12.000	10.000	7.000

9. Giá đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư thị trấn (trừ đất lâm nghiệp)

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Thị trấn	Vùng 1	68.000	49.000	35.000
		Vùng 2	52.000	39.000	27.000
		Vùng 3	39.000	29.000	21.000

- Trường hợp thửa đất trồng cây hàng năm, trồng cây lâu năm có địa hình dốc > 15° thì giá đất được tính bằng 0,7 lần.

- Đất trồng cây lâu năm trên địa hình dốc trồng xen lẫn cây lâm nghiệp (mật độ cây lâu năm tỷ lệ đạt từ 50% dưới 70% diện tích) thì giá đất tính bằng 0,5 lần.

- Đất trồng cây lâu năm trên địa hình bằng phẳng trồng xen lẫn cây lâm nghiệp (mật độ cây lâu năm tỷ lệ đạt từ 50% dưới 70% diện tích) thì giá đất được tính bằng 0,7 lần.

10. Giá đất để tính tiền thuê đất với Nhà nước và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với đất khai thác khoáng sản được quy định chung: 80.000 đồng/m².

B. PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ, KHU VỰC, VÙNG VÀ VỊ TRÍ ĐẤT

I. THỊ TRẤN NƯỚC HAI.

Bao gồm 4 loại đường từ I đến IV.

1. Phân loại đường phố và vị trí đất ở

1.1. Đường phố loại I

- Đoạn từ đội Quản lý thị trường số 2 theo đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đến đầu cầu Bình Long;

- Đoạn từ đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) rẽ theo đường vào đến Trạm cấp nước;

- Đoạn đường xung quanh chợ Nước Hai;

- Đoạn từ đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) rẽ theo đường vào nhà Ban quản lý chợ.

1.2. Đường phố loại II

- Đoạn từ đầu cầu Bình Long theo đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đến hết nhà ông Nông Thế Canh (tổ 2 Dã Hương);

- Đoạn đường từ nhà ông Đặng Văn Ngọc (tổ 2 khu phố A) đến hết nhà bà Lê Thị Toan (tổ 2 khu phố A) và các đoạn đường nhánh:

+ Từ nhà bà Trần Thị Biên tổ 1 phố A đến nhà bà Hứa Thị Mới tổ 2 phố A;

+ Từ nhà bà Vũ Thị Quyết tổ 1 phố A đến nhà bà Vương Thị Nụ tổ 2 phố A;

A;

+ Từ nhà bà Lê Thị Hoa đến nhà bà Lê Thị Lâm tổ 1 phố A;

- + Từ nhà bà Lê Thị Toan tổ 2 phố A đến nhà ông Hoàng Lương Cam tổ 2 phố A.
- Đoạn từ Trạm cấp nước theo đường vào Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật đến nhà ông Phan Du;
- Đoạn từ đường Hồ Chí Minh (nhà ông Lê Xuân Diệu) theo đường đi Trạm thuốc lá đến Trạm thuốc lá;
- Đoạn đường (nhánh 3) từ gần cổng Công an huyện đến trụ sở Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Đoạn đường theo đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) từ nhà đội Quản lý thị trường số 2 đến hết địa giới thị trấn (giáp xã Bế Triều);
- Đoạn từ Trạm cấp nước đến ngã tư Huyện đội;
- Đoạn đường từ ngã tư Huyện đội theo đường nhựa đến trường Trung học Cơ sở Nước Hai (đến hết đường nhựa);
- Đoạn đường nối từ đường Hồ Chí Minh (Công an huyện) đến ngã tư huyện đội.
- + Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của đường phố loại II.

1.3. Đường phố loại III

- Đoạn đường theo đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đường 203 từ nhà ông Nông Thế Canh đến cầu Roỏng Ổ;
- Đoạn từ nhà ông Vi Văn Chùm đến ngã tư trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật;
- a) Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của đường phố loại III.
- b) Vị trí 2: Các vị trí đất dãy 2 khu dân cư Dã Hương theo quy hoạch.
- c) Vị trí 3: Các vị trí đất dãy 3 khu dân cư Dã Hương theo quy hoạch.

1.4. Đường phố loại IV

- Đoạn từ cầu Roỏng Ổ theo đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đến hết địa giới thị trấn (giáp xã Đức Long);
- Đoạn từ ngã tư trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật đến hết nhà ông La Khánh Bạch.
- a) Vị trí 1 : Các vị trí đất mặt tiền của đường phố loại IV.
- b) Vị trí 2 : Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường sau:
 - Đoạn đường từ cổng trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật qua Khau Rộc;
 - Đoạn đường vào dãy 2 khu dân cư Phia Ma;
 - Đoạn đường Phia Ma đi xóm Pác Gà từ nhà ông Nguyễn Sỹ Khải đến hết đường ô tô đi lại được của nhóm dân cư (ông Giáp Xuân Súy);
 - Đoạn đường từ nhà ông Dương Kim Quý theo đường đi xóm Pác Gà đến Nhà văn hoá xóm Pác Gà;
 - Đoạn từ đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) rẽ lên Bệnh viện cũ đến Trường Trung học Cơ sở Nước Hai;

- Đất khu dân cư phía sau trụ sở Ủy ban nhân huyện và Tòa án huyện.

c) Vị trí 3: Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường sau:

- Đoạn đường từ nhà ông Bế Ích Quân đến Khau Rộc;

- Đoạn đường vào dãy 3 khu dân cư Phia Ma;

- Đất khu dân cư sau Trung tâm Chính trị huyện (Roong Vau).

d) Vị trí 4: Các vị trí đất còn lại của đường phố loại IV.

2. Phân vùng đất nông nghiệp

Vùng 1: Thuộc phạm vi hai bên đường phố từ loại I đến loại IV.

II. CÁC XÃ THUỘC HUYỆN HOÀ AN.

Bao gồm các xã loại 1, loại 2 và loại 3.

CÁC XÃ LOẠI 1

1. Xã Bế Triều

1.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

- **Áp dụng giá đất theo đường phố của thị trấn:**

a) Đường phố loại III

Đoạn từ cầu Bản Sậy theo đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đến ranh giới Thị trấn.

b) Đường phố loại IV

Đoạn từ đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) rẽ đi xã Hồng Việt đến đầu cầu Hồng Việt (cầu bê tông).

- **Áp dụng giá đất khu dân cư nông thôn.**

a) Khu vực 1

+ Vị trí 1. Đất mặt tiền theo đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) từ đầu cầu Bản Sậy đến hết địa giới xã Bế Triều (giáp xã Hưng Đạo).

+ Vị trí 2: Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường sau:

- Đoạn đường từ giáp ranh địa giới thị trấn Nước Hai theo đường vào xã Đại Tiên đến hết địa giới xã Bế Triều (giáp xã Đại Tiên);

- Đoạn đường từ Nhà văn hoá xóm Pác Gà theo đường vào xóm Pác Gà đến hết đường ô tô đi lại được;

- Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) rẽ vào xóm Khau Coi đến xóm Chung Mu đến hết đường ô tô đi lại được;

- Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh (gần giáp ranh giữa xóm Bản Sậy và xóm Vò Đáo) rẽ vào xóm Lãng Phia đến hết đường ô tô đi lại được;

- Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) rẽ vào xóm Bản Vạn

1.

b) Khu vực 2

+ Vị trí 2: Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường mà ô tô đi lại được:

- Đoạn từ Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) theo đường nhánh rẽ vào xóm Nà Pia;

- Đoạn từ đường Hồ Chí Minh (nhà Ông Bế Nhật Quảng) lên Khau Khá giáp đường vào bãi rác thải;

- Đoạn từ ngã ba nhà Ông Tô Vũ Trí đi đến đường bãi rác thải (nhà Bà Hà Thị Tuyền);

- Đoạn đường nhà Ông Dương Đình Thuận đi đến nhà Ông Lương Văn Dâng (xóm Vò Đáo);

- Đoạn từ Miếu xóm Nà Bưa đi đến nhà Ông Nông Văn Hiến xóm Nà Bưa;

- Đoạn đường cầu vượt đi hết xóm Thủy Lợi;

- Đoạn đường nhà Ông Nông Hùng Cường xóm bản Vạn 1 đi đến nhà Ông Bế Nhật Bình (xóm bản Vạn 1);

- Đoạn đường nhà Ông Bế Hùng Cường (xóm bản Vạn 1) đi đến đường Vành đai thị trấn Nước Hai;

- Đoạn đường (Đại Tiến - Nước Hai) từ nhà Ông Hoàng Văn Cống (xóm Bản Vạn 2) đến hết làng Khau Hoa;

- Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) rẽ vào Nhà bia tưởng niệm xã Bế Triều đến bãi chôn lấp rác thải;

- Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) rẽ vào xóm Nà Bưa;

- Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) rẽ Lò Bát Cầu Khanh đến Nà Sa;

- Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) rẽ vào Nghĩa trang liệt sỹ huyện;

- Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) rẽ vào xóm An Phú;

- Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) rẽ vào xóm Nà Vài;

- Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) rẽ vào xóm Bản Vạn đến xóm Khau Hoa;

- Đoạn đường liên xã Nước Hai – Đại Tiến có nhánh rẽ vào xóm Đông Vỉao hết đường ô tô đi lại được;

- Đoạn từ đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) có nhánh rẽ vào xóm Nà Vầu đến hết nhà Văn hóa xóm Nà Vầu.

+ Vị trí 3:

- Đoạn từ đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) theo đường nhánh rẽ đi vào xóm Bản Đon (xóm Vò Đáo) qua sau nhà ông Phạm Trung Thủy đi xóm Bản Đon hết đường ô tô đi lại được.

c) Khu vực 3: Các khu đất còn lại của xã Bế Triều.

1.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

- Từ tiếp giáp xã Hưng Đạo (thành phố Cao Bằng) theo đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đến hết địa phận xã Bế Triều (tiếp giáp thị trấn);

- Từ đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) rẽ theo đường vào cầu Hồng Việt đến đầu cầu.

b) Vùng 2

- Từ giáp Thị trấn theo đường vào xã Đại Tiến đến hết địa phận xã Bế Triều (giáp xã Đại Tiến);

- Hai bên đường vào các xóm Nà Sa, Nà Gường, Lãng Phia, Chung Mu, Khau Coi, Nà Vài, Khau Hoa, Pác Gà, Bản Sậy, Vò Đáo, Đà Lạn, Nà Bura.

c) Vùng 3 : Các khu đất nông nghiệp các xóm Vò Gà, Khuổi Vạ.

2. Xã Đức Long

2.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

Áp dụng giá đất theo đường phố của thị trấn

Đường phố loại III:

- Đoạn từ cầu Roong Ồ (giáp ranh địa giới Thị trấn) theo đường 203 đến đầu cầu Nà Coóc;

- Đoạn từ đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) rẽ lên trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật đến hết nhà bà Nguyễn Thị Thúy xóm Bằng Hà 1 (đoạn giáp ranh với thị trấn Nước Hai).

Áp dụng giá đất khu dân cư nông thôn.

a) Khu vực 1

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường sau:

- Đoạn đường theo đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) từ đầu cầu Nà Coóc đến cổng Trường Trung học Cơ sở Đức Long;

- Đoạn đường theo đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) từ đường rẽ vào xóm Nà Hăng đến ngã ba Thông Nông- Hà Quảng.

+ Vị trí 2:

- Đoạn đường đằng sau trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật, từ nhà ông Hoàng Bình đến hết nhà ông Lưu Văn Duyệt;

- **Đoạn từ đường tỉnh lộ 203 rẽ và xóm Bằng Hà đến hết nhà văn hóa xóm.**

b) Khu vực 2

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của đoạn đường từ cổng Trường Trung học Cơ sở Đức Long theo đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đến đường rẽ vào xóm Nà Hăng

+ Vị trí 2 : Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường sau :

- Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) rẽ vào xóm Khau Gạm qua xóm Thắc Tháy, Pác Nà - Nà Lòng, Nà Niền đến nhà văn hóa xóm Nà Đuốc;

- Đoạn đường từ đường 204 rẽ đến Nhà văn hóa xóm Khau Khang.

- Đoạn từ cầu Cốc Phát rẽ lên theo suối Khuổi Ca đến giáp xã Nam Tuấn.

- Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) rẽ đến Hồ Phia Gào.
- Đoạn đường từ ngã ba Khau Huông rẽ lên đến hết địa phận xã Đức Long (giáp xã Nam Tuấn).
- Đoạn đường từ đường 204 rẽ đến hết trại gà xóm Cốc Lùng.

c) Khu vực 3

+ Vị trí 1 : Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường sau:

- Đoạn đường từ ngã ba Thông Nông- Hà Quảng theo đường 204 đến hết địa giới xã Đức Long (giáp xã Dân Chủ) ;

- Đoạn đường từ ngã ba Thông Nông- Hà Quảng theo đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đến hết địa giới xã Đức Long (giáp xã Nam Tuấn).

+ Vị trí 3 : Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường sau:

- Đoạn từ đất nhà văn hóa xóm Nà Đuốc đến suối Cốc Lùng (gần trại gà).

- Đoạn đường từ nhà ông Hoàng Quang Nhi đến hết nhà ông Bé Đăng Tường (gặp đường Khau Khang).

Ghi chú: Các vị trí đất tiếp sau vị trí 1 của đoạn đường từ cầu Roong Ó (giáp ranh địa giới thị trấn) theo đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đến đầu cầu Nà Coóc được áp dụng giá đất Khu vực 1 - dân cư nông thôn và được xác định vị trí đất theo quy định chung về phân loại vị trí.

2.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

Thuộc phạm vi hai bên đường từ giáp thị trấn Nước Hai theo đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đến đường rẽ đi xã Nam Tuấn.

b) Vùng 2

Đất nông nghiệp thuộc phạm vi dọc 2 bên của các đoạn đường:

- Đoạn từ đường 204 đi qua trại gà Cốc Lùng đến nhà văn hóa xóm Nà Đuốc;

- Từ đường rẽ vào xã Nam Tuấn theo đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đến giáp xã Nam Tuấn và theo đường 204 đến giáp xã Dân Chủ;

- Từ đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) rẽ vào xóm Khau Gạm qua xóm Thắc Tháy, Pác Nà - Nà Lòg, Nà Niền đến hết nhà văn hóa xóm Nà Đuốc;

- Từ đường 204 rẽ đến Nhà văn hóa xóm Khau Khang;

- Từ cầu Cốc Pháp rẽ lên theo suối Khuổi Ca đến giáp xã Nam Tuấn;

- Từ đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) rẽ đến hồ Phia Gào;

- Từ ngã ba Khau Khuông rẽ lên đến địa phận xã Đức Long (giáp ranh xã Nam Tuấn);

- Từ đường 204 rẽ đến hết trại gà xóm Cốc Lùng.

c) Vùng 3

Vị trí 2: Đoạn đường từ nhà ông Hoàng Quang Nhi đến hết nhà ông Bé Đăng Tường (gặp đường Khau Khang).

Các khu đất nông nghiệp còn lại của xã.

CÁC XÃ LOẠI 2

1. Xã Nam Tuấn

1.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

+ Vị trí 1:

- Đoạn đường tiếp giáp nhà ông Nguyễn Hữu Gióng đến chân dốc Kéo Rắn xóm Nà Khá;

- Đoạn từ chợ kéo Roọc đến nhà ông Nguyễn Hữu Hùng xóm Nà Khá;

- Các vị trí đất mặt tiền từ cầu Háng Hóa theo đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đến nhà ông Lục Văn Chung, đất xung quanh chợ Háng Hóa, Kéo Roọc, xã Nam Tuấn;

- Đoạn đường theo đường 203 từ nhà ông Lục Văn Chung đến hết địa giới xã Nam Tuấn (giáp huyện Hà Quảng);

Vị trí 2: Đất mặt tiền đường ô tô từ đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Nam Tuấn.

b) Khu vực 2

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường sau:

- Đoạn từ nhà ông Nguyễn Hữu Nhiên xóm Nà Khá đến hết nhà ông Lê Văn Thìn xóm Nà Thang;

- Đoạn đường theo đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) từ đầu cầu Háng Hóa hết địa giới xã Nam Tuấn (giáp xã Đức Long).

+ Vị trí 2:

- Đoạn đường liên huyện từ xã Phù Ngọc - Hà Quảng đi qua địa phận xã Nam Tuấn - Đại Tiến đến hết địa phận xã Nam Tuấn;

- Đoạn từ nhà ông Triệu Văn Mỹ xóm Bó Báng đến nhà ông Nông Văn Hào xóm Pác Muồng và nhánh từ chân dốc ngã ba vào xóm Đông An sang xóm Pác Muồng đến đường đi xóm Nà Ban;

- Đoạn từ nhà ông Nguyễn Hữu Hùng xóm Nà Khá đi Nà Mỏ - Đức Long đến hết địa phận xã Nam Tuấn;

- Đoạn đường xóm Tàng Cải rẽ từ đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đi xóm Khuổi Ca đến xóm Cốc Phát xã Đức Long.

c) Khu vực 3

Các khu vực đất còn lại thuộc xã Nam Tuấn.

1.2. Phân vùng đất nông nghiệp:

a) Vùng 1

Thuộc phạm vi hai bên đường từ công Tiểu đoàn 2 theo Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đến hết địa phận xã Nam Tuấn (giáp xã Phù Ngọc, huyện Hà Quảng) và khu vực xung quanh chợ Háng Hóa, Kéo Roọc.

b) Vùng 2

- Thuộc phạm vi dọc 2 bên của đoạn đường từ tiếp giáp xã Đức Long theo đường 203 đến cổng Tiểu đoàn 2 ;

- Đoạn đường liên huyện từ xã Phù Ngọc - Hà Quảng đi qua địa phận xã Nam Tuấn - Đại Tiên đến hết địa phận xã Nam Tuấn;

- Đoạn từ nhà ông Triệu Văn Mỹ xóm Bó Báng đến nhà ông Nông Văn Hào xóm Pác Muồng và nhánh từ chân dốc ngã ba vào xóm Đông An sang xóm Pác Muồng đến đường đi xóm Nà Ban;

- Đoạn từ nhà ông Nguyễn Hữu Hùng xóm Nà Khá đi Nà Mỏ - Đức Long đến hết địa phận xã Nam Tuấn;

- Đoạn đường xóm Tàng Cải rẽ từ đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) đường 203 cũ đi xóm Khuổi Ca đến xóm Cốc Phát xã Đức Long.

c) Vùng 3

Các khu đất nông nghiệp còn lại của xã.

2. Xã Dân Chủ

2.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

+ Vị trí 1:

- Đoạn từ cổng Công ty gang thép Thái Nguyên mỏ sắt Ngườm Cháng theo đường 204 qua trụ sở Ủy ban nhân dân xã (cũ) đến đầu cầu Mỏ Sắt;

- Đất có mặt tiền xung quanh chợ Mỏ Sắt, đất xung quanh Trạm Y tế xã (khoảng cách 25 mét).

+ Vị trí 2:

- Các vị trí đất mặt tiền của đoạn đường từ đường 204 rẽ theo đường Mỏ Sắt- Nà Rị qua các xóm Mỏ Sắt- Bản Chang- Nà Nhừ- Nà Rị;

- Đoạn đường từ đầu cầu Mỏ Sắt theo đường Dân Chủ - Quý Quân đến hết địa giới xã Dân Chủ (giáp xã Quý Quân- huyện Hà Quảng).

b) Khu vực 2

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền theo đường 204 từ tiếp giáp địa phận xã Đức Long đến cổng Công ty gang thép Thái Nguyên (Mỏ Sắt Ngườm Tráng); từ cầu Mỏ Sắt đến chân dốc Khau Công.

c) Khu vực 3

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền theo đường 204 từ chân dốc Khau Công đến hết địa giới xã Dân Chủ (giáp huyện Thông Nông).

2.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

- Từ tiếp giáp xã Đức Long theo đường 204 đến chân dốc Khau Công;

- Từ đường 204 theo đường đi Nà Rị đến gặp đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ);

- Đất nông nghiệp thuộc dọc theo hai bên đường Hồ Chí Minh.

b) Vùng 3: Các khu đất nông nghiệp còn lại của xã.

3. Xã Bình Long

3.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền theo đường Bình Long- Lương Can (Thông Nông) từ cầu ngầm Bình Long đến Trạm bơm Pác Gậy.

b) Khu vực 2

+ Vị trí 2: Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường sau:

- Đoạn đường từ Trạm bơm Pác Gậy theo đường Bình Long- Lương Can đến hết địa giới xã Bình Long (giáp xã Trương Lương);

- Đoạn đường (mà ô tô đi lại được) rẽ từ Nà Bát đi Lũng Chung, đường rẽ vào xóm Cốc Lại, đường rẽ vào xóm Thang Lây, Pác Cam, đường rẽ xuống làng Cốc Mìn

+ Vị trí 3: Các vị trí đất mặt tiền đường ngõ, nhánh có chiều rộng từ 2m-3m.

+ Vị trí 4: Các vị trí đất còn lại của Khu vực 2.

c) Khu vực 3

Các khu vực đất còn lại thuộc xã Bình Long.

3.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

Thuộc phạm vi hai bên đường từ đầu cầu treo theo đường Bình Long- Lương Can đến trạm bơm Pác Gậy.

+ Vị trí 1 : Đoạn từ đầu cầu ngầm qua trụ sở UBND xã đến đỉnh dốc nhà văn hoá xóm Thua Khau.

b) Vùng 2

+ Vị trí 1 : Đoạn đường từ đỉnh dốc nhà văn hoá xóm Thua Khau đến hết trạm bơm xóm Pác Gậy.

c) Vùng 3

Thuộc phạm vi hai bên đường từ Trạm bơm Pác Gậy theo đường Bình Long- Lương Can đến hết địa phận xã (giáp xã Trương Lương) và các vị trí đất còn lại.

4. Xã Hồng Việt

4.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền từ cầu cứng đến nhà ông Bế Mã Hồng xóm Dẻ Đóng xã Hồng Việt.

+ Vị trí 2: Các vị trí đất mặt tiền từ đường rẽ xóm Vò Ấu đến nhà ông Phạm Trung Vụ xóm Nà Mè, xã Hồng Việt.

b) Khu vực 2

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền từ nhà ông Bé Mã Hồng xóm Dẻ Đóság đến Phia Đeng đường rẽ xóm Nà Vàn, xã Hồng Việt.

+ Vị trí 2:

- Đoạn đường từ Phia Đeng đường rẽ xóm Nà Vàn, xã Hồng Việt đến hết địa giới xã Hồng Việt (giáp xã Hoàng Tung).

- Đoạn đường từ ngã ba Lam Sơn đến hết địa giới xã Hồng Việt (giáp xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình).

- Đoạn đường từ nhà ông Phạm Trung Vụ đến hết địa giới xã Hồng Việt (giáp xã Hoàng Tung).

c) Khu vực 3

Các khu vực đất còn lại thuộc xã Hồng Việt.

4.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

Thuộc phạm vi hai bên đường từ đầu cầu Hồng Việt theo đường Lam Sơn đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã.

b) Vùng 2

Thuộc phạm vi hai bên đường từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã theo đường Lam Sơn đến hết địa phận xã Hồng Việt (giáp xã Hoàng Tung).

c) Vùng 3

Thuộc phạm vi hai bên đường từ đường Lam Sơn theo đường Minh Tâm-Hồng Việt đến hết địa phận xã Hồng Việt (giáp xã Minh Tâm).

5. Xã Hoàng Tung

5.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường sau:

- Đoạn đường từ đầu cầu Bản Tấn theo đường đi Nguyên Bình tính cách cầu 200m; theo đường về thị xã tính cách cầu 200m;

- Đoạn đường từ Quốc lộ 34 rẽ vào xã Bình Dương 100m;

- Đoạn đường từ Quốc lộ 34 rẽ vào xã Hoàng Tung 100m;

- Đoạn đường từ đầu cầu Hoàng Tung đến cổng Trường Trung học Cơ sở xã Hoàng Tung;

- Đoạn đường từ đầu cầu Hoàng Tung đến đường rẽ vào xóm Bản Chạp;

- Đoạn đường từ đầu cầu Hoàng Tung đến cầu làng Bến Đò.

b) Khu vực 2

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường sau:

- Vị trí đất mặt tiền từ đoạn đường Trường phổ thông trung học Hoàng Tung đến xóm Hào Lịch;

- Đoạn đường từ đầu cầu Bản Tấn + 200 m theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới xã Hoàng Tung (giáp xã Hưng Đạo);
- Đoạn đường từ đầu cầu Bản Tấn + 200 m theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới xã Hoàng Tung (giáp xã Lăng Môn- Nguyên Bình);
- Đoạn đường từ xóm Bản Tấn qua Hào Lịch đến khu di tích Nặm Lìn (giáp xã Hồng Việt);
- Đoạn đường từ cầu đầu làng Bến Đò đến làng Đền chùa Vua Lê.

c) Khu vực 3

Các khu vực đất còn lại thuộc xã Hoàng Tung.

5.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

- Từ tiếp giáp xã Hưng Đạo theo Quốc lộ 34 đến cầu Phia Thin (xóm Bản Tấn);
- Từ đầu cầu Hoàng Tung theo đường đi trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến ngã ba Khau Luông;
- Từ điểm Bưu điện văn hóa xã theo đường đi đến Đền Vua Lê;
- Từ điểm Bưu điện văn hóa xã theo đường ra Bản Tấn đến đầu cầu Bản Chạp.

b) Vùng 2

- Từ cầu Phia Thin (xóm Bản Tấn) theo Quốc lộ 34 đến hết địa phận xã Hoàng Tung (giáp xã Lăng Môn, huyện Nguyên Bình);
- Từ đầu cầu Bản Chạp theo đường ra Bản Tấn đến gặp Quốc lộ 34;
- Từ tiếp giáp xã Hồng Việt (Nặm Lìn) theo đường qua Hào Lịch đến gặp đường đi Bản Tấn;
- Từ đầu cầu Bản Chạp theo đường Nam Phong đến hết địa phận xã Hoàng Tung (giáp xã Hưng Đạo).

6. Xã Nguyễn Huệ

6.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

- + Vị trí 1: Đất xung quanh chợ Án Lại; đất mặt tiền từ nhà bà Trương Thị Lồ đến nhà ông Long Văn Giáp;
- + Đoạn đường tránh thị tứ Án Lại (từ nhà ông Lương Văn Trung đến hết đất nhà ông Lô Quang Thành).

b) Khu vực 2

- + Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường sau:
 - Đoạn đường từ Km7 (Bản Gủn) đến nhà bà Trương Thị Lồ;
 - Đoạn từ nhà ông Long Văn Giáp theo Quốc lộ 3 đến chân đèo Mã Phục ;
 - Đoạn từ cuối chợ Án Lại hết đường bê tông đến địa phận xóm Nà Danh hết đất nhà ông Nông Văn Quân.

c) Khu vực 3

Các khu vực đất còn lại thuộc xã Nguyễn Huệ.

+ Vị trí 1: Đoạn đường từ nhà ông Nông Văn Quân dọc theo đường đến xóm Canh Biện hết địa phận xã Nguyễn Huệ, giáp xã Ngũ Lão.

6.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

- Thuộc phạm vi hai bên đường từ ngã ba rẽ vào Trường Trung học Cơ sở theo Quốc lộ 3 đến hết địa phận xã Nguyễn Huệ (giáp xã Quốc Toàn, huyện Trà Lĩnh);

- Đoạn đường tránh thị tứ Án Lại (từ nhà ông Lương Văn Trung đến hết đất nhà ông Lô Quang Thành).

b) Vùng 2

Thuộc phạm vi hai bên đường từ ngã ba rẽ vào Trường Trung học Cơ sở theo Quốc lộ 3 đến hết địa phận xã Nguyễn Huệ (giáp xã Ngũ Lão).

c) Vùng 3

Các khu đất nông nghiệp còn lại của xã.

7. Xã Lê Chung

7.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

+ Vị trí 1:

- Đất mặt tiền đoạn từ Roỏng Đắm tiếp giáp địa giới phường Hòa Chung dọc theo tỉnh lộ 209 qua xóm Pác Khuổi đến nhà ông Hoàng Văn Nhật.

b) Khu vực 2

Các vị trí đất mặt tiền từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã theo đường 209 đến hết địa giới xã Lê Chung (giáp xã Canh Tân- huyện Thạch An).

+ Vị trí 3: Các vị trí đất mặt tiền đường trực chính vào các xóm Khuổi Goòng, Khuổi Diễn, Pác Khuổi, Nà Đin có chiều rộng từ 2m- 3m.

+ Vị trí 4: Đất mặt tiền đường xe máy đến các xóm.

c) Khu vực 3

Các khu vực đất còn lại thuộc xã Lê Chung.

7.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

- Đất thuộc phạm vi hai bên đường từ tiếp giáp phường Hòa Chung (thành phố Cao Bằng) theo đường 209 đến hết xóm Pác Khuổi ;

- Đất nông nghiệp các xóm Nà Mẩn, Giông Chang, Giông Nưa, Phác Khuổi, Pác háo, Nà Pin.

b) Vùng 3

Các khu đất nông nghiệp còn lại của xã.

8. Xã Ngũ Lão

8.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường sau:

- Đoạn từ giáp địa giới thành phố theo Quốc lộ 3 đến hết địa giới xã Ngũ Lão (giáp xã Nguyễn Huệ);

- Đoạn từ giáp địa giới thành phố theo đường tránh Quốc lộ 3 đến hết đường tránh (ngã ba Bản Gùn).

b) Khu vực 2

+ Vị trí 2: Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường sau:

- Đoạn đường từ đường tránh Quốc lộ 3 theo đường vào trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ngũ Lão đến trụ sở;

- Đoạn đường từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ngũ Lão theo đường liên xã đến hết địa giới xã Ngũ Lão (giáp xã Vĩnh Quang - thành phố Cao Bằng).

c) Khu vực 3

Các khu vực đất còn lại thuộc xã Ngũ Lão.

+ Vị trí 1 :

- Từ nhà ông Hoàng Văn Tuấn xóm Nà Tú theo đường Nà Tú - Phiáy đến hết đất ông Mã Văn Boong xóm Nà Tú;

- Từ Ủy ban nhân dân xã Ngũ Lão đến cầu treo xóm Khuổi Quân.

+ Vị trí 2 :

- Tiếp đất nhà ông Mã Văn Boong theo đường đi xóm Bản Phiáy đến hết địa phận xã Ngũ Lão, giáp xã Đại Tiến;

- Đoạn đường từ đầu cầu Nậm Pạng đi vào xóm Khuổi Quân - Khuổi Lừa - Pác Bó đến hết địa phận xã Ngũ Lão, giáp xã Nguyễn Huệ.

+ Vị trí 4: Các vị trí đất thuộc Khu vực 3 của xã.

8.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

- Từ tiếp giáp phường Ngọc Xuân theo đường tránh Quốc lộ 3 đến ngã ba gặp Quốc lộ 3 cũ;

- Từ tiếp giáp phường Sông Bằng theo Quốc lộ 3 cũ đến gặp đường tránh Quốc lộ 3.

b) Vùng 2

- Từ ngã ba đường tránh Quốc lộ 3 theo Quốc lộ 3 đến hết địa phận xã Ngũ Lão (giáp xã Nguyễn Huệ);

- Từ đường 203 rẽ vào trụ sở Ủy ban nhân dân xã ra đến gặp Quốc lộ 3.

c) Vùng 3

Các khu đất nông nghiệp còn lại của xã.

9. Xã Hà Trì

9.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

Khu vực 3

+ Vị trí 2: Các vị trí đất mặt tiền theo đường Quang Trung - Hà Trì đoạn từ địa phận xã Quang Trung đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã, đất mặt tiền từ đầu cầu treo Nà Mùi đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã.

+ Vị trí 3: Các vị trí đất mặt tiền đường ngõ, nhánh có chiều rộng từ 2m-3m.

9.2. Phân vùng đất nông nghiệp

Vùng 3

Thuộc phạm vi hai bên đường từ đầu cầu treo Nà Mùi theo đường vào trụ sở Ủy ban nhân dân xã hết địa phận xã Hà Trì (giáp xã Quang Trung).

10. Xã Hồng Nam

10.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

Khu vực 3

+ Vị trí 2: Đất mặt tiền theo đường Chu Trinh- Hồng Nam đoạn từ giáp địa phận xã Chu Trinh đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hồng Nam, xóm Khuổi Sàng.

+ Vị trí 3: Các vị trí đất mặt tiền đường ngõ, nhánh có chiều rộng từ 2m-3m.

10.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

Thuộc phạm vi hai bên đường từ tiếp giáp xã Chu Trinh theo đường vào trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến hết cánh đồng Nà Tông.

b) Vùng 3

Các khu đất nông nghiệp còn lại của xã.

11. Xã Đại Tiến

11.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

Khu vực 2

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường từ giáp địa giới xã Bế Triều đến chân đèo đường rẽ lên xã Đức Xuân.

+ Vị trí 2:

- Đất mặt đường từ chân cầu Nà Bon đến giáp địa giới xã Nam Tuấn;

- Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường Ủy ban nhân dân xã Đại Tiến đến giáp xã Ngũ Lão;

- Đoạn từ ngã ba Đức Xuân rẽ đi xóm Héc Nưa đến hết xóm Lũng Lừa.

+ Vị trí 3: Các vị trí đất mặt tiền đường ngõ, nhánh có chiều rộng từ 2m-3m.

+ Vị trí 4: Các vị trí đất còn lại của xã.

11.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

- Từ tiếp giáp xã Bé Triều theo đường Đại Tiến- Đức Xuân đến hết địa phận xã Đại Tiến (giáp xã Đức Xuân);

- Từ đường Đại Tiến- Đức Xuân rẽ đi xã Nam Tuấn đến hết địa phận xã Đại Tiến (giáp xã Nam Tuấn);

- Từ đường Đại Tiến- Đức Xuân rẽ đi xã Ngũ Lão đến hết địa phận xã Đại Tiến (giáp xã Ngũ Lão).

b) Vùng 3

Các khu đất nông nghiệp còn lại của xã.

12. Xã Trung Vương

12.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

Khu vực 2

+ Vị trí 2 : Các vị trí đất mặt tiền từ Quốc lộ 3 rẽ Khau Chang vào trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến địa phận xóm Văn Mỏ.

+ Vị trí 3: Các vị trí đất mặt tiền đường ngõ, nhánh có chiều rộng từ 2m- 3m.

+ Vị trí 4: Các vị trí đất còn lại của xã.

12.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

Thuộc phạm vi hai bên đường từ Quốc lộ 3 rẽ đi trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến hết địa phận xã Trung Vương (giáp xã Ngọc Động - Quảng Uyên).

b) Vùng 3

Các khu đất nông nghiệp còn lại của xã.

13. Xã Bình Dương

13.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 2

+ Vị trí 2: Các vị trí đất mặt tiền từ Quốc lộ 34 rẽ cách cầu Bản Tân 100m đến Trường Trung học Cơ sở xã Bình Dương.

+ Vị trí 3: Các vị trí đất mặt tiền đoạn đường từ Quốc lộ 34 rẽ vào xóm Bó Mỹ có chiều rộng từ 2m- 3m.

+ Vị trí 4: Các vị trí đất còn lại của Khu vực 2.

b) Khu vực 3

Đất khu vực còn lại thuộc xã Bình Dương.

13.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

Thuộc phạm vi hai bên đường từ Quốc lộ 34 theo đường rẽ đi trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến Trường Trung học Cơ sở xã Bình Dương.

b) Vùng 3

Các khu đất nông nghiệp còn lại của xã.

14. Xã Bạch Đằng

14.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường sau:

- Đoạn đường từ xóm Nà Roác (giáp xã Hưng Đạo- thành phố Cao Bằng) theo Quốc lộ 3 đến đường rẽ vào Bản Sắng;

- Đoạn đường (khu vực xung quanh chợ, Trạm xá, trụ sở Ủy ban nhân dân xã) theo Quốc lộ 3 từ đầu cầu Tài Hồ Sìn + 200m về thành phố Cao Bằng; từ đầu cầu Tài Hồ Sìn + 200m về phía đi Bắc Kạn.

b) Khu vực 2

+ Vị trí 2: Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường sau:

- Đoạn đường từ đầu cầu Tài Hồ Sìn + 200m theo Quốc lộ 3 đến hết địa giới xã Bạch Đằng (giáp huyện Nguyên Bình);

- Đoạn đường từ đầu cầu Tài Hồ Sìn + 200m theo Quốc lộ 3 về thị xã đến đường rẽ vào Bản Sắng;

- Đoạn đường từ Quốc lộ 3 rẽ đi Bản Sắng, Phiêng Lừa, Nà Tú đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Bạch Đằng;

- Đoạn đường từ Quốc lộ 3 rẽ theo đường vào hồ Khuổi Lái (đường dưới và đường trên).

+ Vị trí 3: Các vị trí đất mặt tiền đường ngõ, nhánh có chiều rộng từ 2m-3m.

+ Vị trí 4: Các vị trí đất còn lại của xã.

14.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

Thuộc phạm vi hai bên đường từ tiếp giáp xã Hưng Đạo theo Quốc lộ 3 đến đường rẽ vào Bản Sắng.

b) Vùng 2

- Từ Quốc lộ 3 theo đường rẽ đi Trung tâm Thủy sản đến bờ hồ Khuổi Lái;

- Từ Quốc lộ 3 theo đường vào hồ Khuổi Lái đến bờ hồ;

c) Vùng 3

- Từ Quốc lộ 3 (đầu cầu Tài Hồ Sìn) theo đường rẽ vào xóm Nà Tú đến gặp đường Bạch Đằng- Canh Tân;

- Từ Quốc lộ 3 theo đường rẽ đi Bản Sắng đến hết địa phận xã Bạch Đằng (giáp xã Canh Tân, huyện Thạch An);

- Từ đường rẽ vào Bản Sảng theo Quốc lộ 3 đến hết địa phận xã Bạch Đằng (giáp xã Thịnh Vương, huyện Nguyên Bình).

CÁC XÃ LOẠI 3

1. Xã Trương Lương

1.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

Khu vực 2

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền từ của các đoạn đường sau:

- Đoạn đường từ giáp địa giới xã Bình Long theo đường Bình Long- Thông Nông đến hết địa giới xã Trương Lương (giáp xã Lương Can- Thông Nông);

- Đoạn từ cầu Sam Luồng đến Giản Đầy (giáp địa giới xã Công Trùng);

- Đoạn từ UBND xã (đường liên xóm) đến đầu cầu treo xóm Nà Thúm;

- Đoạn từ ngã ba xóm Tổng Hoáng (đường liên xóm) đi đến hết xóm Gùa đoạn ô tô đi lại được.

+ Vị trí 3: Các vị trí đất mặt tiền đường ngõ, nhánh có chiều rộng từ 2m-3m.

1.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

+ Vị trí 2:

- Từ đầu cầu Sam Luồng đến hết xóm Giang Lâm giáp Tổng Mây;

- Từ đầu cầu Sam Luồng đến chân dốc Khau Khuôn;

- Từ chân dốc Khau Khuôn (bên UBND xã) và từ chợ xã Trương Lương đến hết xóm Nà Ngàn.

b) Vùng 3

Các khu đất nông nghiệp còn lại

2. Xã Công Trùng

2.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

Khu vực 3

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của đoạn đường từ cầu Giản Đầy (giáp địa giới xã Trương Lương) đến xóm Lũng Mải.

+ Vị trí 3: Các vị trí đất mặt tiền đường ngõ, nhánh có chiều rộng từ 2m-3m.

2.2. Phân vùng đất nông nghiệp

Vùng 3

Thuộc phạm vi hai bên đường từ cầu Giản Đầy (giáp địa giới xã Trương Lương) theo đường đi trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến hết đường ô tô đi lại được (xóm Lũng Mải).

3. Xã Quang Trung

3.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

Khu vực 1

+ Vị trí 2: Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường sau:

- Đoạn đường từ giáp địa giới thành phố theo đường Quang Trung- Hà Trì đến hết địa giới xã Quang Trung (giáp xã Hà Trì);

- Đoạn đường từ ngã ba xóm Phan Thanh đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Quang Trung.

+ Vị trí 3: Các vị trí đất mặt tiền đường ngõ, nhánh có chiều rộng từ 2m-3m.

+ Vị trí 4: Các vị trí đất còn lại của xã.

3.2. Phân vùng đất nông nghiệp

Vùng 1:

- Từ tiếp giáp phường Sông Bằng (thành phố Cao Bằng) theo đường Quang Trung - Hà Trì đến hết địa phận xã Quang Trung (giáp xã Hà Trì);

- Từ ngã ba xóm Phan Thanh đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Quang Trung.

4. Xã Đức Xuân

4.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

Khu vực 3

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của đoạn đường từ giáp địa giới xã Đại Tiến đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đức Xuân.

+ Vị trí 2: Các vị trí đất đường ngõ, nhánh mà xe máy đi lại được.

+ Vị trí 3: Các vị trí đất còn lại của xã

4.2. Phân vùng đất nông nghiệp.

Vùng 3

+ Vị trí 1: Thuộc phạm vi hai bên đường từ tiếp giáp xã Đại Tiến theo đường vào trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến trụ sở.

***Ghi chú:** Các trường hợp không quy định cụ thể thì áp dụng quy định

Tài liệu được lưu trữ tại DiaOcOnline.vn